TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 11-Phòng Đầu tư, môi trường

Tháng 11 năm 2020

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Đoàn phí	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**52**		**43.200.000**	**5**	**2.015.962**	**3**	**1.220.231**		**0,30**	**480.000**	**46.916.193**	**2.576.600**	**483.200**	**322.200**	**426.000**	**165.000**		**114.400**		**4.087.400**	**42.828.793**	
1	HL-00081	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng phòng	11.446.000	19	A	14.915.888			1	440.231				15.356.119	915.700	171.700	114.500	141.500	55.000				1.398.400	13.957.719	
2	HL-00469	Phạm Văn Đại	Phó phòng	10.483.000	14	A	14.078.505	5	2.015.962	1	403.192		0,30	480.000	16.977.659	877.100	164.500	109.700	149.000	55.000		114.400		1.469.700	15.507.959	
3	HL-00155	Vũ Văn Quyết	Phó phòng	9.797.000	19	A	14.205.607			1	376.808				14.582.415	783.800	147.000	98.000	135.500	55.000				1.219.300	13.363.115	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**165**		**82.720.000**	**15**	**3.579.039**	**11**	**2.488.155**	**60.283**			**88.847.475**	**4.278.600**	**802.600**	**534.900**	**832.200**	**495.000**	**60.000**	**85.800**	**837.617**	**7.926.717**	**80.920.758**	
4	HL-01941	Vũ Quang Đức	Chuyên viên	6.818.000	19	A	8.726.707			1	262.231				8.988.938	545.500	102.300	68.200	82.700	55.000				853.700	8.135.238	
5	HL-00095	Nguyễn Văn Thành	Chuyên viên	5.609.000	22	A	10.104.609			1	215.731				10.320.340	448.800	84.200	56.100	97.300	55.000				741.400	9.578.940	
6	HL-07075	Phạm Thanh Tùng	Chuyên viên	5.609.000	19	A	8.726.707			1	215.731				8.942.438	448.800	84.200	56.100	83.500	55.000			218.117	945.717	7.996.721	
7	HL-00149	Phạm Văn Son	Chuyên viên	6.184.000	17	A	9.916.295	5	1.189.231	1	237.846				11.343.372	494.800	92.800	61.900	106.900	55.000		85.800	309.750	1.206.950	10.136.422	
8	HL-00709	Lã Tuấn Anh	Chuyên viên	5.609.000	17	A	9.994.376	5	1.078.654	1	215.731				11.288.761	448.800	84.200	56.100	107.000	55.000				751.100	10.537.661	
9	HL-02217	Nguyễn Văn Hậu	Chuyên viên	5.609.000	21	A	9.645.308			1	215.731				9.861.039	448.800	84.200	56.100	92.700	55.000				736.800	9.124.239	
10	HL-04798	Nguyễn Quang Danh	Chuyên viên	5.609.000	19	A	8.726.707			1	215.731				8.942.438	448.800	84.200	56.100	83.500	55.000	30.000		309.750	1.067.350	7.875.088	
11	HL-00165	Phạm Trường Huy	Chuyên viên	6.818.000	14	A	8.680.777	5	1.311.154	1	262.231				10.254.162	545.500	102.300	68.200	95.400	55.000				866.400	9.387.762	
12	HL-01231	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Chuyên viên	5.609.000	17	A	8.198.512			3	647.192	60.283			8.905.987	448.800	84.200	56.100	83.200	55.000	30.000			757.300	8.148.687	
Tổng cộng					**217**		**125.920.000**	**20**	**5.595.001**	**14**	**3.708.386**	**60.283**	**0,30**	**480.000**	**135.763.668**	**6.855.200**	**1.285.800**	**857.100**	**1.258.200**	**660.000**	**60.000**	**200.200**	**837.617**	**12.014.117**	**123.749.551**	

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 12 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**